Hội nghị Kinh tế đại dương xanh

Ảnh hội nghị

Ngày 9-10, tại TP. Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Đại sứ quán Vương quốc Na Uy tổ chức Hội nghị về kinh tế đại dương xanh để thảo luận chia sẻ về công nghệ phát triển bền vững ngành nuôi biển và chế biến thủy sản.

Tham dự hội nghị có ông Phùng Đức Tiến - Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; bà Grete Lochen - Đại sứ Vương quốc Na Uy tại Việt Nam và hơn 150 đại biểu đại diện cho các Bộ, Ngành trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn một số tỉnh, thành ven biển, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy sản của Việt Nam và Na Uy.

Tại hội nghị, các đại biểu đã tập trung thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm xung quanh các vấn đề về: định hướng chiến lược phát triển nuôi biển ở Việt Nam; nhu cầu chuyển giao, ứng dụng công nghệ xanh, các giải pháp thúc đẩy nuôi biển quy mô công nghiệp tại Việt Nam; kinh nghiệm của Na Uy và các yếu tố quyết định thành công trong việc quy hoạch, phát triển ngành công nghiệp cá hồi; chương trình tín dụng xuất khẩu Na Uy tài trợ cho các dự án chế biến, nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam; kinh nghiệm của Na Uy trong xây dựng thương hiệu thủy sản chất lượng cao trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, các vấn đề về công nghệ bền vững cho nuôi cá trên đất liền và trên vùng biển khơi; giải pháp dinh dưỡng cho các loài cá biển; kinh nghiệm về cung ứng đầu vào cho ngành công nghiệp nuôi trồng thủy sản; mô hình nuôi lồng hiện đại... cũng được các đại biểu dành nhiều sự quan tâm, trao đổi.

Phan Thị Ngọc Diệp

8 cảng biển đủ điều kiện tiếp nhận thủy sản nhập khẩu

Bộ NN&PTNT đã có Quyết định 3919 /QĐ-BNN-TCTS ngày 11/10/2019 về việc chỉ định và công bố đợt 1 danh sách cảng biển cho tàu đánh bắt thủy sản, tàu vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của nước ngoài cập cảng để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, có 8 cảng biển được chỉ định thực hiện nhiệm vụ trên, bao gồm: Bến cảng Nam Hải Đình Vũ (Hải Phòng); Bến cảng Ba Ngòi, Bến cảng tổng hợp Nam Vân Phong (Khánh Hòa); Cảng Quốc tế (Long An); Bến cảng Bông Sen, Bến cảng Rau quả (đều ở quận 7, TPHCM), Bến cảng Tân cảng Hiệp Phước, Bến cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (đều ở huyện Nhà Bè, TPHCM).

Quyết định trên được thực hiện trên cơ sở Hiệp định về biện pháp quốc gia có cảng, nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xóa bỏ khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU); Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ và một số văn bản quy định pháp luật hiện hành. Bộ NN&PTNT cũng lưu ý, đối với những lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc khai thác từ nước ngoài đã xếp hàng xuống tàu, hoặc đang trên đường vận chuyển để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác qua lãnh thổ Việt Nam trước khi có quyết định này, thì được tiếp tục cho tàu cập cảng theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký, nhưng không quá đến tháng 1-2020.

Nguyễn Thị Lệ

Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản

Ngày 22/10/2019, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 11/2019/TT-BNNPTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số

điều Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Theo đó, Thông tư số 11/2019/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung Điểm G, Khoản 2, Điều 1 của Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT, chi tiết như sau:

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu gián tiếp từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài chuyển tải tại các cảng trung chuyển của nước ngoài về Việt Nam thì ngoài các tài liệu quy định tại các Điểm a, c, d và e của khoản này, doanh nghiệp bổ sung Giấy khai báo thông tin chuyển tải (do doanh nghiệp tự khai) theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này hoặc bản sao Giấy xác nhận do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi có cảng trung chuyển cấp (có xác nhận của doanh nghiệp). Nội dung giấy xác nhận, thể hiện các thông tin sau: tên; số đăng ký, quốc gia treo cờ của tàu đánh bắt và tàu vận chuyển; tên loại sản phẩm thủy sản, số lượng, thời gian bốc dỡ, địa điểm bốc dỡ, điều kiện lưu giữ sản phẩm, sản phẩm thủy sản được giữ nguyên trạng, không trải qua các công đoạn nào khác ngoài hoạt động bốc dỡ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/12/2019.

Thu Hằng

Xuất khẩu tôm dự kiến đạt 3,4 tỷ USD trong năm 2019

Ảnh minh họa

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) dự báo, xuất khẩu (XK) tôm Việt Nam cả năm 2019 sẽ đạt khoảng 3,4 tỷ USD, giảm 4% so với năm 2018.

Sau khi giảm trong tháng 9/2019, XK tôm Việt Nam trong tháng 10 tiếp tục giảm tuy nhiên mức giảm đã chậm hơn so với tháng 9. Tháng 10/2019, XK tôm Việt Nam giảm nhẹ 0,8% đạt 345,2 triệu USD. Lũy kế 10 tháng đầu năm nay, XK tôm đạt 2,8 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

10 tháng đầu năm nay, trong cơ cấu sản phẩm tôm XK của Việt Nam, tôm chân trắng chiếm 69,9%, tôm sú chiếm 20,5% và còn lại là tôm biển. XK tôm chân trắng đạt 1,9 tỷ USD, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái; XK tôm sú đạt 570,8 triệu USD, giảm 16,2%; XK tôm biển khác đạt trên 265 triệu USD, tăng 7%. XK tôm sú chế biến giảm mạnh nhất 33,4%. XK tôm biển chế biến đóng hộp tăng tốt nhất 40,7%.

Lại Thị Thùy

Xuất khẩu cá tra Việt Nam 10 tháng đầu năm nay đạt 1,64 tỷ USD

Ảnh minh họa

Tính đến hết tháng 10/2019, tổng giá trị XK cá tra đạt 1,64 tỷ USD, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2018. Do giá trị XK cá tra sang một số thị trường XK lớn như: Mỹ, Brazil và Colombia vẫn còn chìm sâu trong tăng trưởng âm, giá nguyên liệu giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái nên XK cá tra trong thời gian này không thể tăng cao hơn.

Xuất khẩu cá tra 10 tháng đầu năm nay sang các thị trường lớn và tiềm năng như: EU, ASEAN, Mexico và Nhật Bản tăng mạnh ở hai quý đầu năm nhưng chững lại hoặc tăng trưởng chậm trong hai quý còn lại. Điều này khiến cho tổng giá trị XK cá tra chung của Việt Nam không tăng hơn.

Tính đến tháng 10/2019, giá trị XK cá tra sang EU đạt 204,4 triệu USD, tăng 3,6%; ASEAN đạt 163,8 triệu USD, tăng 1,6%, Mexico đạt 77,1 triệu USD, tăng 2,9%, Nhật Bản đạt 27,5 triệu USD, tăng 0,6%. Tuy tăng trưởng dương nhưng mức tăng trưởng lại không ổn định. Do vậy, quý cuối năm, các DN XK cá tra khó có thể tăng mạnh mẽ sang các thị trường này.

Thị trường Trung Đông chững, giá trị XK cá tra sang thị trường Brazil chỉ đạt 47,2 triệu USD, giảm 29,6% so với cùng kỳ năm trước; XK sang Colombia cũng đạt 39,2 triệu USD, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn vào bức tranh XK cá tra Việt Nam 10 tháng đầu năm nay cho thấy còn nhiều mảng tối tại một số thị trường trọng điểm. Do vậy, dự báo kết thúc năm 2019, tổng giá trị XK cá tra Việt Nam sẽ giảm khoảng 15% so với 2018.

Lại Thị Thùy

Xuất khẩu thủy sản 10 tháng đầu năm 2019 đạt 7,1 tỷ USD

Ảnh minh họa

Theo Thống kê của Hải quan, tính đến giữa tháng 10/2019, XK thủy sản của cả nước đạt 6,64 tỷ USD, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Ước tính XK thủy sản tháng 10 sẽ đạt khoảng 875,4 triệu USD, giảm 0,5%, đưa tổng kim ngạch XK tính đến hết tháng 10/2019 lên 7,13 tỷ USD, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Nhu cầu của một số thị trường hồi phục vào những tháng cuối năm, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, do vậy XK tôm có xu hướng khả quan dần lên, trong tháng 10 chỉ còn giảm nhẹ 0,6% đạt 346 triệu USD, đưa tổng XK 10 tháng lên 2,78 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó tôm chân trắng ước đạt 253 triệu USD trong tháng 10, tăng nhẹ 2,4%, đưa kết quả 10 tháng lên 1,94 tỷ USD, giảm 4,8%, trong khi tôm sú giảm 7,5% trong tháng 10 đạt 70,5 triệu USD và XK 10 tháng giảm 15% đạt 579 triệu USD.

XK cá tra tiếp tục giảm 11% trong tháng 10 đạt 201,5 triệu USD, đưa tổng kim ngạch XK 10 tháng lên 1,66 tỷ USD, giảm gần 9% so với cùng kỳ năm 2018.

XK các mặt hàng hải sản trong tháng 10 vẫn duy trì được tăng trưởng dương trên 7% đạt 328 triệu USD, đưa tổng XK 10 tháng lên 2,68 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, chỉ có mặt hàng mực, bạch tuộc giảm 24%, các mặt hàng khác đều tăng trong tháng 10, trong đó cá ngừ tăng 6%, cá biển khác tăng 19%, cua ghẹ tăng 17%. Tính đến hết tháng 10, XK cá ngừ tăng 14% đạt 618 triệu USD, mực bạch tuộc giảm 11% đạt 480 triệu USD, các loại cá biển khác tăng 17% đạt 1,38 tỷ USD. XK hải sản sang EU đã bị tác động giảm do ảnh hưởng của thẻ vàng IUU, tuy nhiên, các DN đẩy mạnh XK sang các thị trường khác.

Thu Hằng

Phát triển nghề nuôi biển công nghiệp: Lựa chọn tối ưu trong bối cảnh nguồn lợi thủy sản cạn kiệt

Ảnh: Các đại biểu tham dự hội thảo

Chiều 9/11, tại TP. Vũng Tàu, Hiệp hội Nuôi biển Việt Nam tổ chức Hội nghị Toàn thể Hiệp hội

Nuôi biển Việt Nam và Hội thảo Ứng dụng Công nghệ 4.0 cho nuôi biển Việt Nam. Tham dự có gần 100 đại biểu là các chuyên gia trong ngành thủy sản, đại diện Sở NN&PTNT các địa phương, các DN và các trường đại học, cơ sở đào tạo về ngành thủy sản trên cả nước.

Tại hội thảo, ông Nguyễn Hữu Dũng, Chủ tịch Hiệp hội Nuôi biển Việt Nam nhận định, hiện nay, ngành đánh bắt thủy hải sản đang dần trở nên khó khăn, nguồn lợi suy giảm. Do đó, phát triển ngành nuôi biển là xu thế tất yếu, được nhiều nước trên thế giới lựa chọn. Hình thức nuôi này có nhiều ưu điểm như nguồn nước ngoài khơi thường sạch và có dòng chảy ổn định, thuận lợi cho thủy sản phát triển; lại tránh được ô nhiễm môi trường nước. Tỷ lệ thủy sản chết hoặc bị ảnh hưởng do các yếu tố con người gây ra thấp khi nuôi biển cũng sẽ thấp hơn gần bờ. Ông Dũng cho biết: Việt Nam là quốc gia có tiềm năng lớn để phát triển ngành nuôi hải sản biển. Cụ thể, nước ta có 4 vùng vịnh lớn, một số vị trí có được sự che chắn khi có bão. Đồng thời, Việt Nam có rất nhiều vùng biển nông và biển được cung cấp lượng nước ngọt lớn vào mùa mưa. Bên cạnh đó, chúng ta có cơ sở hạ tầng phục vụ ngành thủy sản tốt, quy mô ngành công nghiệp chế biến lớn, lực lượng lao động sẵn có, dồi dào.

Thu Hằng

Nâng chất lượng nhân lực ngành thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long

Ảnh Hội nghị

Ngày 13/11/2019, tại TP Cần Thơ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Liên đoàn Giới chủ Na Uy (NHO) tổ chức hội nghị "Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành nuôi trồng thủy sản".

Theo báo cáo gần nhất của Tổng cục Thủy sản, hiện có hơn 60% nhà máy, cơ sở nuôi trồng nông - lâm - thủy sản thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật; 80% lao động ở các cơ sở chế biến không được đào tạo bài bản mà chỉ học các lớp bồi dưỡng ngắn ngày (do các cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp tự tổ chức); 30- 55% số chủ cơ sở chế biến thủy sản thiếu chuyên môn kỹ thuật.

Theo VCCI, chương trình hợp tác "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong ngành nuôi trồng thủy sản" khởi động từ 6/2017. Mục tiêu bước đầu là xây dựng, hoàn thiện chương trình đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ cho kỹ thuật viên ngành nuôi trồng thủy sản dựa theo các tiêu chuẩn quốc tế và có sự hợp tác, hỗ trợ chặt chẽ của các chuyên gia đến từ Na Uy - nơi có ngành nuôi trồng thủy sản hiện đại bậc nhất thế giới. Đồng thời, đào tạo đội ngũ giảng viên nguồn từ các trường và doanh nghiệp.

Chương trình còn xây dựng bộ tài liệu đào tạo ngắn hạn cho kỹ thuật viên ngành nuôi cá tra tại ĐBSCL. Từ bộ tài liệu tập huấn này, chương trình tổ chức các khóa đào tạo ở Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long... với trên 360 học viên.

Phan Thị Ngọc Diệp

Bà Rịa Vũng Tàu: Tập huấn về nuôi cá biển công nghiệp

Ảnh Tập huấn

Trong các ngày, từ ngày 06 đến ngày 08/11/2019, tại xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Hiệp hội Nuôi biển Việt Nam đã phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, tổ chức khóa tập huấn về nuôi cá biển công nghiệp.

Xác định tiềm năng nuôi hải sản trên biển của Việt Nam là không nhỏ nhưng chưa khai thác

được nhiều, vì vậy, nuôi biển là hướng đi quan trọng cho ngành thủy sản Việt Nam, cần được đẩy mạnh phát triển trong những năm tới.

Học viên tham gia khóa học đến từ các doanh nghiệp, đơn vị quan tâm đến phát triển nuôi biển; Chi cục Thuỷ sản tỉnh Kiên Giang; Trung tâm Quốc gia giống hải sản Nam Bộ; Công ty Cổ phần Công nghệ nuôi biển Maritec; Trung tâm KHCN nuôi biển Việt Nam; Phân viện Nghiên cứu Hải sản phía Nam; Phòng Nông nghiệp huyện Xuyên Mộc, Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy sản và Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tại lớp tập huấn, học viên đã được chia sẻ thông tin về sự hình thành và phát triển nghề nuôi cá biển trên thế giới và trong nước; giới thiệu tổng quan về lồng HDPE, hệ thống dây neo, neo; đặc điểm cơ bản về sợi, lưới và dây; đặc điểm sinh học một số loài cá biển nuôi công nghiệp; con giống cách chọn và thả con giống, cách cho ăn; quản lý đàn cá nuôi và kiểm soát dịch bệnh; thu hoạch đóng gói và vận chuyển; bảo trì thiết bị; an toàn lao động tại trại nuôi trên biển.

Nguyễn Thị Lệ

Ngành thủy sản hướng đến mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 9 tỷ USD

Ảnh minh họa

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong 10 tháng qua, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt gần 6,7 triệu tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, sản lượng khai thác đạt 3,16 triệu tấn (tăng 4,4%), nuôi trồng đạt 3,54 triệu tấn (tăng 6,2%). Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản trong 10 tháng ước đạt 7,06 tỷ USD, chiếm 21,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành nông nghiệp. Mục tiêu của ngành thủy sản hướng đến là tổng kim ngạch xuất khẩu năm nay sẽ đạt 9 tỷ USD.

Riêng trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, cá tra có sản lượng cao nhất, ước đạt 1,19 triệu tấn (tăng 8,6%), kim ngạch xuất khẩu cá tra đạt 1,66 tỷ USD. Tôm nước lợ có sản lượng đứng thứ 2, đạt trên 600.000 tấn (tăng khoảng 4,4%), trong đó sản lượng tôm sú ước đạt 251.160 tấn (tăng 1,6%), tôm thẻ đạt 389.000 tấn (tăng hơn 8,0%). Kim ngạch xuất khẩu tôm trong 10 tháng đạt 2,76 tỷ USD. Các loại thủy sản khác có sản lượng thấp hơn gồm: Nhuyễn thể 220.000 tấn, cá rô phi 150.000 tấn, rong biển 100.000 tấn, cá biển 40.000 tấn, cá nước lạnh 2.000 tấn.

Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện nay tại Ấn Độ và các nước nuôi tôm đã hết vụ sản xuất tôm chính, trong khi đó nhu cầu tiêu dùng sản phẩm thủy sản có xu hướng tăng. Các thị trường trọng điểm như: EU, Mỹ, đặc biệt là Trung Quốc sẽ có nhu cầu cao vào cuối năm, do đó giá tôm, cá tra nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long hiện đã tăng trở lại do các nhà máy chế biến mua nhiều hơn.

Bên cạnh đó, tác động của hiệp định tự do thương mại sẽ tạo nền tảng để các doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, đặc biệt là việc Mỹ công nhận hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm với cá tra Việt Nam sẽ là động lực quan trọng để đẩy mạnh xuất khẩu.

Sản lượng cá tra hiện còn khoảng 500.000 tấn, tôm sú ước khoảng hơn 100.000 tấn, tôm thẻ chân trắng ước khoảng trên 180.000 tấn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự báo sản lượng tôm và cá tra sẽ đạt và vượt kế hoạch đề ra, đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, xuất khẩu.

Thu Hằng

CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH THỦY SẢN

Tại phiên chất vấn của Quốc hội thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã tham gia giải trình, làm rõ những vấn đề mà nhiều đại biểu Quốc hội quan tâm, đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam trong thời gian tới.

Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng phát biểu giải trình tại phiên chất vấn của Quốc hội chiều ngày 6-11

Tại phiên chất vấn ngày 6-11, nhiều đại biểu Quốc hội bày tỏ quan tâm tới hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; công tác quản lý, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khai thác, đánh bắt hải sản trên biển.

Về những vấn đề này, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng cho biết, trong những năm qua ngành thủy sản Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả khả quan. Điển hình như năm 2018, tổng sản lượng thủy sản nước ta đạt 7,7 tỷ USD, giá trị xuất khẩu đạt 9 tỷ USD; 10 tháng đầu năm 2019, giá trị xuất khẩu đạt 7,1 tỷ USD. Với kết quả đó, Việt Nam đã trở thành nước thuộc nhóm nước có giá trị xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới. Sự phát triển của ngành thủy sản đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều việc làm mới, và góp phần nâng cao đời sống của người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành thủy sản còn nhiều hạn chế và đứng trước nhiều khó khăn thách thức, như quy mô sản xuất còn chưa tương xứng với tiềm năng; cơ cấu ngành thủy sản chưa hợp lý; hệ thống hạ tầng thủy sản còn lạc hậu, thiếu đồng bộ; vốn đầu tư cho hạ tầng thủy sản còn khó khăn; tổ chức sản xuất chưa hiệu quả; chất lượng và giá trị gia tăng của ngành thủy sản còn thấp.

Bên cạnh đó, công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản còn chưa được chú trọng. Chính sách cho phát triển thủy sản chưa thực sự hiệu quả. Đặc biệt là vẫn còn tình trạng ngư dân đánh bắt cá trái phép tại vùng biển nước ngoài.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định mục tiêu phải phát triển ngành thủy sản Việt Nam thành một ngành sản xuất hàng hóa có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới trên cơ sở khai thác những tiềm năng, lợi thế từng vùng, từng địa phương.

Đồng thời phải khắc phục những tồn tại, khó khăn, thách thức để phát triển bền vững ngành thủy sản, góp phần phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của người lao động.

Từ mục tiêu trên, Chính phủ đã đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

Một là, phải tiếp tục tập trung tái cơ cấu ngành thủy sản trên cơ sở đánh giá đầy đủ nhu cầu thị trường trong nước và thế giới.

Gắn tái cơ cấu ngành thủy sản với điều kiện phát triển thủy sản của từng vùng, từng địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Gắn tái cơ cấu ngành thủy sản với tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất, cung cấp nguyên liệu đầu vào đến nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nhằm giảm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm thủy sản Việt Nam.

Chuyển từ nuôi trồng, khai thác theo phương thức truyền thống sang công nghiệp hóa ngành thủy sản, ứng dụng công nghệ cao.

Tổ chức lại hoạt động khai thác, đẩy mạnh nuôi trồng, hiện đại hóa quản lý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ.

Tái cấu trúc ngành khai thác thủy sản, gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường.

Đồng thời, hiện đại hóa tàu thuyền, trang thiết bị, bảo đảm nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản.

Tái cơ cấu ngành thủy sản, chuyển mạnh sang nuôi trồng biển. Phải xác định đây là nhiệm vụ đột phá trong tái cấu trúc ngành thủy sản trong giai đoạn tới nhằm thúc đẩy tăng trưởng thủy sản, chuyển dịch cơ cấu lao động từ đánh bắt sang nuôi trồng, giải quyết nhiều việc làm, nâng cao đời sống cho người dân.

Hai là, trên cơ sở tái cơ cấu ngành thủy sản, Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập mới các quy hoạch theo Luật Quy hoạch.

Trong đó, phải đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch Sử dụng biển quốc gia. Xác định đầy đủ các khu vực biển, đảo có tiềm năng lợi thế để phát triển ngành thủy sản. Từ đó làm cơ sở cho việc đầu tư khai thác và nuôi biển.

Đồng thời Quy hoạch Sử dụng biển quốc gia phải gắn với việc điều tra, đánh giá đầy đủ về nguồn lợi thủy sản trên biển để làm cơ sở xây dựng kế hoạch khai thác thủy sản phù hợp với nguồn lợi thủy sản.

Bên cạnh đó, tập trung xây dựng Chiến lược phát triển ngành thủy sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lập Quy hoạch các vùng kinh tế và hướng dẫn các địa phương lập quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch.

Trong đó xác định rõ các quy hoạch cần tích hợp vào Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh như Quy hoạch hạ tầng thủy sản, giao thông, thủy lợi, điện, thông tin truyền thông, cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền, các khu vực nuôi trồng thủy sản cả trên biển và đất liền...

Ba là, trên cơ sở quy hoạch, các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện các quy hoạch cho từng năm và 5 năm. Xác định rõ cơ cấu nguồn vốn để đầu tư thực hiện các quy hoạch.

Đồng thời, xác định cụ thể các dự án, các nhiệm vụ ưu tiên để huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Ưu tiên vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho các dự án hạ tầng cấp thiết như: cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền, các dự án hạ tầng nuôi trồng thủy sản, trong đó tập trung cho khu vực duyên hải và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Với các dự án nuôi trồng thủy sản tập trung (cả các dự án nuôi biển), thì huy động các nguồn vốn xã hội (của doanh nghiệp và người dân trong và ngoài nước) để đầu tư.

Bốn là, rà soát lại các cơ chế chính sách hiện có để sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các chính sách hỗ trợ phát triển ngành thủy sản. Tổng kết thực hiện Nghị định 67 để điều chỉnh lại những nội dung còn hạn chế, chưa phù hợp (như cơ chế về tín dụng cho ngành thủy sản).

Xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển các đội tàu Viễn Dương, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, các chính sách khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát triển nuôi trồng thủy sản.

Đặc biệt là các chính sách hỗ trợ, khuyến khích nuôi biển và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển ngành thủy sản.

Năm là, tăng cường công tác kiểm soát quá trình đầu tư phát triển, khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản sản phẩm thủy sản nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả đầu tư các dự án hạ tầng, các dự án đóng mới tàu thuyền; đồng thời kiểm soát chất lượng sản phẩm thủy sản.

Sáu là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm mở rộng thị trường cho sản phẩm thủy sản Việt Nam; đồng thời trong việc phân định vùng biển, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và hợp tác đánh cá

với các quốc gia trong khu vực và các vùng đại dương. Huy động nguồn lực để trang bị hợp tác khoa học cho các hoạt động tập trung lĩnh vực thủy sản.

Bảy là, phải giải quyết dứt điểm tình trạng tàu cá Việt Nam vi phạm các quy định về khai thác hải sản, đặc biệt là việc đánh bắt cá trái phép tại vùng biển nước ngoài.

Liên quan vấn đề này, sau khi Ủy ban châu Âu EC cảnh báo "thẻ vàng" với Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo với các Bộ, ngành, và 28 địa phương ven biển để triển khai các giải pháp nhằm chấm dứt tình trạng vi phạm của tàu cá và ngư dân Việt Nam.

Tuy nhiên, tình trạng đánh bắt cá trái phép vẫn chưa chấm dứt. Hiện tại, còn 7 địa phương có tàu cá của ngư dân vi phạm, bị nước ngoài bắt giữ, xử lý.

Ngoài những giải pháp dài hạn nêu trên, Phó Thủ tướng cũng đề nghị các vị đại biểu Quốc hội các địa phương, đặc biệt là 28 tỉnh, thành phố ven biển hỗ trợ trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát ngư dân, cùng với lãnh đạo các địa phương triển khai tốt các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả các khuyến nghị của EC. Qua đó sớm gỡ thẻ vàng cho thủy sản Việt Nam, để từ đó góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu cho thủy sản Việt Nam.

Thu Hằng (ND)

HỢP TÁC CHIA SẺ THÔNG TIN TRONG VIỆC XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU CHO NGÀNH THỦY SẢN

Chiều ngày 04/10/2019, tại Hội trường Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản đã diễn ra lễ ký kết hợp tác giữa Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản (VIFEP) với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) về việc trao đổi và chia sẻ thông tin ngành thủy sản giữa hai đơn vị.

Hình ảnh của buổi lễ ký kết hợp tác

Tại buổi lễ ký kết, hai bên thống nhất hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu, kết nối, chia sẻ thông tin ngành thủy sản và phát triển dự án với nội dung hợp tác cụ thể như sau:

- VASEP và VIFEP chia sẻ thông tin, dữ liệu sẵn có và đã được thẩm định của hai bên nhằm mục đích thiết lập cơ sở dữ liệu thông tin nền của ngành thủy sản bao gồm thông tin cơ bản về các ngành hàng xuất khẩu chính như tôm, cá tra, cá rô phi, nghêu, cá ngừ, ghẹ,... phục vụ cho các kênh thông tin để giới thiệu, quảng bá ngành thủy sản Việt Nam.

- VASEP và VIFEP sẽ cập nhật bản tin qua thư điện tử cho lãnh đạo hai bên, cung cấp những thông tin có sẵn của hai bên khi cần thiết.

- VASEP và VIFEP cùng đứng tên đề xuất các chương trình, dự án dài hạn với Chính phủ và/hoặc các nhà tài trợ về các chủ đề thuộc thế mạnh của hai bên như hội nhập, lợi thế cạnh tranh, chuỗi giá trị thủy sản...

- Hai bên sẽ kết nối trang thông tin điện tử của nhau trên cơ sở định vị trang thông tin điện tử của bên này trên trang chủ của trang thông tin điện tử của bên kia và ngược lại.

- Hai bên phối hợp để kết nối với các quỹ nghiên cứu và nhóm nghiên cứu trong và ngoài nước để các nhà khoa học có điều kiện thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu.

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung hợp tác trong thời gian 5 năm (từ 2019 đến 2024). Các thỏa thuận cụ thể về các gói công việc giữa hai bên sẽ được thể hiện bằng các Thỏa thuận hoặc Hợp đồng cụ thể trên cơ sở bình đẳng, minh bạch và phù hợp với pháp luật.

Chia sẻ tại buổi lễ ký kết, đại diện VASEP, ông Nguyễn Hoài Nam đánh giá cao những kết quả nghiên cứu của Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản trong thời gian vừa qua và nhận định đây là những thông tin vô cùng hữu ích và có giá trị cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin nền cho ngành thủy sản. Ông Nam cũng cho biết hiện nay VASEP thực hiện điều chỉnh lại cơ sở dữ liệu theo chu kỳ 2 năm một lần và năm nay là năm VASEP sẽ thực hiện điều chỉnh lớn để đảm bảo cung cấp những thông tin cập nhật nhất và chính xác nhất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các đơn vị nghiên cứu, quản lý và doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc hợp tác với các cơ quan nghiên cứu như VIFEP là rất cần thiết và hữu ích cho việc thu thập các thông tin, số liệu của ngành. Hiện nay, VASEP thu thập thông tin từ rất nhiều nguồn, tuy nhiên khi tìm hiểu kỹ thì các số liệu này phần nhiều được trích từ các báo cáo nghiên cứu của VIFEP. Do đó, VASEP mong muốn hợp tác với Viện để thu thập được nguồn thông tin chính thống cho ít nhất 10 mặt hàng chính của ngành để xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu đầy đủ, phục vụ công tác nghiên cứu, quản lý Nhà nước, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu hoạt động trong lĩnh vực thủy sản của Việt Nam.

Đại diện VIFEP, ông Nguyễn Thanh Tùng nhấn mạnh: Những thông tin của VASEP rất hữu ích, có ý nghĩa và đem lại giá trị cho các đơn vị trong ngành, đồng thời bày tỏ sự vui mừng khi có cơ hội hợp tác với VASEP để góp phần cung cấp nguồn thông tin số liệu hữu ích cho ngành. Ông Tùng cũng chia sẻ: Hiện nay Viện đang triển khai hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu cho cá tra ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và đã thu được khá nhiều thông tin, dữ liệu cập nhật. Nguồn thông tin, số liệu này sẽ được chia sẻ với VASEP để đưa vào cơ sở dữ liệu của ngành. Ngoài ra, ông Tùng cũng khẳng định: Trong thời gian hai bên hợp tác, Viện sẽ cố gắng, nỗ lực hết mình để chia sẻ các thông tin, dữ liệu về các ngành hàng còn lại (tôm, cá rô phi, nghêu...) cũng như thực hiện các nội dung mà hai bên đã thỏa thuận với mong muốn góp phần giúp ngành thủy sản Việt Nam phát triển thành ngành công nghiệp sản xuất lớn, đạt được các mục tiêu do Nhà nước đặt ra.

Phát biểu tại buổi lễ, Phó Viện trưởng Cao Lệ Quyên và đại diện lãnh đạo các phòng chuyên môn của Viện như phòng GIS, Viễn thám và Môi trường; phòng Khoa học Công nghệ, Hợp tác quốc tế; phòng Quy hoạch thủy sản,... nhất trí, ủng hộ cao việc hợp tác bởi mục đích của những nghiên cứu của Viện là nhằm phục vụ cho sự phát triển của các ngành hàng cũng như toàn ngành thủy sản. Hơn nữa, hoạt động hợp tác này còn giúp hai bên có cơ hội được tiếp cận, chia sẻ các thông tin với nhau tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu của VIFEP cũng như việc cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản của VASEP.

Kết thúc buổi lễ, đại diện hai bên đã ký kết bản ghi nhớ hợp tác và cam kết cùng nhau thực hiện các nội dung đã thỏa thuận với hy vọng tạo được tính lan tỏa và có ý nghĩa cho ngành trong tương lai.

Phạm Khánh Chi

XUẤT KHẨU THỦY SẢN NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2019 TẬP TRUNG GỠ RÀO CẢN THƯƠNG MẠI

Các doanh nghiệp cần xác định và xây dựng những quy chuẩn trong nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo đảm nghiêm ngặt an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc cũng như xây dựng thương hiệu

10 tháng năm 2019, xuất khẩu thủy sản ước đạt 7,1 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhiều mặt hàng giảm đáng kể như cá tra, tôm, bạch tuộc... Thủy sản là một trong những ngành hàng có giá trị xuất khẩu lớn, do vậy sẽ tác động không nhỏ đến mục tiêu xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự báo từ nay tới cuối năm, xuất khẩu thủy sản còn phải đối mặt hàng loạt khó khăn do các rào cản thương mại cần được tập trung tháo gỡ để hoàn thành mục tiêu xuất khẩu cả năm.

Xuất khẩu giảm, thách thức tăng

Năm 2019, ngành thủy sản đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 10 tỷ USD. Nhưng đến thời điểm này, có thể nói mục tiêu trên đang xa tầm với. Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ NN&PTNT), 10 tháng năm 2019, xuất khẩu thủy sản ước đạt 7,1 tỷ USD, giảm 2,4%. Đáng lo ngại, sự sụt giảm này thể hiện ở nhiều mặt hàng vốn được coi là thế mạnh của thủy sản Việt Nam. Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản Nguyễn Quốc Toản cho biết, những mặt hàng xuất khẩu chủ lực như tôm, cá tra, mực sụt giảm đáng kể về mặt giá trị do gặp sự cạnh tranh gay gắt từ các nước Ấn Độ, Ecuador, Indonesia, Thái Lan.

Cùng với đó, nhiều thách thức đã và đang đến với doanh nghiệp khai thác, chế biến, xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Bà Cao Thị Kim Lan, Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Bình Định cho biết, doanh nghiệp đã từng đạt giá trị xuất khẩu 60 triệu USD/năm, trong đó 70% hàng hóa

xuất vào châu Âu. Tuy nhiên, từ đầu năm 2019 đến nay, lượng hàng xuất khẩu vào thị trường này giảm đáng kể bởi những thay đổi về yêu cầu nhập khẩu, tiêu chuẩn chất lượng cũng đòi hỏi khắt khe hơn. Đây cũng là tình trạng chung của nhiều doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu thủy sản.

Theo ông Trần Đình Luân, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thủy sản (Bộ NN&PTNT), nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm này là căng thẳng thương mại giữa các nước đã tác động trực tiếp tới chính sách thương mại, cán cân xuất - nhập khẩu. Bên cạnh đó, rào cản kỹ thuật của các thị trường xuất khẩu ngày càng nhiều với những quy định chặt chẽ hơn, trong đó có yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và an toàn thực phẩm... Mặt khác là vấn đề nội tại của ngành Thủy sản nhiều năm qua chưa được khắc phục như: Nuôi trồng thủy sản manh mún, nhỏ lẻ, chưa thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị; thiếu cơ sở hạ tầng, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch và chế biến sản phẩm thủy sản khai thác...

Thời gian từ nay đến cuối năm không nhiều, với những khó khăn vẫn ở phía trước. Vì thế, mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 10 tỷ USD của ngành Thủy sản rất khó thực hiện nếu không có những giải pháp quyết liệt.

Mở rộng thị trường

Gấp rút giải quyết những khó khăn, bất cập mà ngành Thủy sản đang đối mặt, nhiều giải pháp đã được triển khai ở những cấp độ khác nhau. Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến cho biết, trước mắt, toàn ngành tập trung đẩy mạnh các hoạt động nhằm tháo gỡ rào cản thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Theo Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản (Bộ NN&PTNT) Nguyễn Như Tiệp, ngày 31-10 vừa qua, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ đã chính thức công bố quyết định công nhận tương đương hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm cá da trơn của Việt Nam xuất khẩu sang nước này. Đây là nỗ lực rất lớn của nhiều Bộ, ngành cũng như doanh nghiệp trong suốt 3 năm qua để hoàn thành các nhóm tiêu chí mà phía Hoa Kỳ đưa ra như: Hệ thống pháp luật trong kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm; năng lực thực thi pháp luật của cơ quan thẩm quyền; điều kiện bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trong toàn bộ quá trình từ sản xuất con giống đến chế biến theo yêu cầu thị trường Hoa Kỳ.

Thành công từ việc gỡ rào cản cho mặt hàng cá tra vào thị trường Hoa Kỳ là kinh nghiệm quý cho các mặt hàng thủy sản khác trong tiến trình hội nhập. Nhìn nhận về sự kiện này, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến cho rằng, Hoa Kỳ là thị trường lớn có những yêu cầu khắt khe, nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm. Vì thế, vào được thị trường này đồng nghĩa cánh cửa cho cá tra sang nhiều thị trường khác cũng được mở rộng.

Với thị trường Trung Quốc, Bộ NN&PTNT tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thúc đẩy việc chia sẻ thông tin, hỗ trợ hoạt động xuất khẩu. Còn với thị trường châu Âu, trước mắt là tập trung làm việc với các cơ quan chức năng của Ủy ban châu Âu để gỡ "thẻ vàng" cho thủy sản xuất khẩu; đồng thời hài hòa hóa các quy định về kiểm soát thủy sản theo thông lệ quốc tế...

Về phía doanh nghiệp, ông Trần Quang Đệ, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải nhận định: "Từ nay đến cuối năm, dự báo nhu cầu thủy sản tại một số nước sẽ tăng, trước mắt công ty tập trung nắm bắt nhu cầu của các thị trường truyền thống như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc... để tăng đơn hàng. Về lâu dài, công ty tiếp tục đầu tư máy móc, thiết bị nâng cao khả năng chế biến...".

Gia tăng sản lượng thủy sản xuất khẩu không phải là câu chuyện ngày một, ngày hai và để phát triển bền vững, trước hết ngành Thủy sản phải tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm. Đặc biệt, các doanh nghiệp cần xác định và xây dựng những quy chuẩn trong nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo đảm nghiêm ngặt an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc cũng như xây dựng thương hiệu...

Thu Hằng (HNM)

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP) - CƠ HỘI VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU NGÀNH HÀNG THỦY SẢN VIỆT NAM

Kỳ II: Giải pháp tận dụng cơ hội để thúc đẩy xuất khẩu nhóm ngành hàng thủy sản

Ảnh minh họa

Mặc dù việc đàm phán mở cửa thị trường về thuế đã đạt được những thuận lợi cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, tuy nhiên để tiếp tục thúc đẩy việc xuất khẩu các mặt hàng nông sản vào các thị trường có FTA thì việc đàm phán các nội dung liên quan đến các quy định kiểm dịch động thực vật của nước nhập khẩu là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng và nhiệm vụ cụ thể là các Bộ, ngành liên quan cần tích cực và đẩy mạnh công tác đàm phán, giải quyết khó khăn về tiếp cận thị trường có liên quan tới hệ thống quản lý chất lượng cũng như tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, giúp hàng thủy sản của ta tận dụng được cơ hội mở ra khi thuế nhập khẩu trên các thị trường này được cắt giảm hoặc xóa bỏ; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các hộ nông dân không chỉ về tiêu chuẩn của nước nhập khẩu mà còn về phương thức sản xuất, nuôi trồng phù hợp để đáp ứng các tiêu chuẩn đó.

Tăng cường cơ chế trao đổi thông tin cấp Chính phủ, xử lý các rào cản thương mại và các vấn đề vướng mắc trong quan hệ thương mại hàng hóa nông sản với các nước, bằng cách định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, thúc đẩy việc triển khai kết quả các cuộc họp UBLCP, UBHH, Tiểu ban hỗn hợp để nắm bắt thông tin, từ đó kịp thời xử lý các vướng mắc, rào cản, các vấn đề nổi cộm lớn đã, đang và sẽ phát sinh, đặc biệt là nguy cơ dẫn đến các vụ điều tra phòng vệ thương mại cũng như các vấn đề về kiểm dịch động thực vật, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các thị trường có yêu cầu khắt khe về điều kiện nhập khẩu hàng nông sản.

Tăng cường cơ chế cảnh báo sớm cho các doanh nghiệp để chủ động phòng tránh các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp cách ứng phó với các vụ kiện được nước ngoài khởi động, giải thích và đấu tranh ngay từ giai đoạn điều tra để giảm thiểu tác động bất lợi cho doanh nghiệp; hướng dẫn và đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc đấu tranh và khởi kiện ra cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO các biện pháp bảo hộ bất hợp lý, vi phạm quy định của WTO.

Nghiên cứu đổi mới toàn diện công tác xúc tiến thương mại (XTTM) theo hướng chú trọng các chương trình XTTM trung và dài hạn hướng vào một mặt hàng, một thị trường cho tới khi đạt kết quả cụ thể; chú trọng đào tạo, phổ biến về quy tắc xuất xứ và cách đáp ứng quy tắc xuất xứ để giúp các doanh nghiệp nắm bắt được các cơ hội mở ra từ các FTA, nâng cao hơn nữa tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong các FTA; hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài đối với thương hiệu các hàng hóa đặc trưng thuộc chương trình thương hiệu quốc gia; ưu tiên các hoạt động giới thiệu, quảng bá các sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp là thế mạnh của Việt Nam.

Để khai thác, tận dụng hiệu quả cơ hội từ cam kết đối với một số mặt hàng thủy sản có thế mạnh vào các thị trường cụ thể, cần tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

*** Thị trường Nhật Bản**

Duy trì và đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như tôm, cá tra, cá ngừ sang thị trường Nhật Bản, Mỹ trong TPP, sử dụng tốt lợi thế về thuế xuất khẩu tôm tươi, đông lạnh thuộc chương 3 sang thị trường Nhật Bản trong TPP (Tất cả các sản phẩm tôm tươi/đông lạnh sẽ có thuế 0% ngay khi hiệp định có hiệu lực so với thuế suất mặt hàng tôm xuất nhiều có mã HS 030617 hiện nay là 8,25%, các nước đối thủ xuất khẩu với ta như Trung Quốc : 6,5%, Indonesia: 5%, Ấn Độ 30%), và tôm chế biến sang thị trường Hoa Kỳ (sản phẩm tôm chế biến có lộ trình 5 năm đưa thuế về 0%).

Nghiên cứu thị trường, xúc tiến xuất khẩu, quảng bá thương hiệu và thực hiện tốt dịch vụ khách hàng. Doanh nghiệp cần đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, nhất là những quy định mới về chất lượng và các biện pháp kiểm soát thủy sản nhập khẩu của Chính phủ Nhật Bản.

*** Thị trường Australia**

Khó khăn lớn nhất để thâm nhập vào thị trường này là các quy định nghiêm ngặt của Australia về an toàn thực phẩm và an toàn sinh học, trong khi đó, thủy sản Việt Nam vẫn còn một số trường hợp dư lượng kháng sinh và dư lượng thuốc diệt nấm bị phát hiện.

Để đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang Australia, cần kiên quyết xoá bỏ tình trạng vi phạm an toàn thực phẩm, kiểm tra nghiêm các lô hàng thủy sản xuất khẩu. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá về sản xuất, xuất khẩu thủy sản Việt Nam, góp phần thay đổi nhận thức và thói quen đối với người tiêu dùng Australia về thủy sản nhập khẩu từ châu Á, trong đó có Việt Nam.

*** Thị trường New Zealand**

Mặt hàng thủy sản nhập khẩu vào thị trường New Zealand hiện đều được áp thuế 0% và không gặp khó khăn về rào cản kỹ thuật. Tuy nhiên, hàng thủy sản trên thị trường thường không được mang tên hiệu của nhà xuất khẩu Việt Nam, mà chỉ có xuất xứ và thương hiệu của nhà nhập khẩu trên bao bì nên khả năng nhận biết thương hiệu tại thị trường tương đối thấp.

Do vậy, cần chú trọng công tác xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu sản phẩm để sản phẩm xuất khẩu Việt Nam được biết đến trên thị trường New Zealand.

*** Thị trường Malaysia, Brunei**

Malaysia và Brunei là các quốc gia Hồi giáo nên hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường này phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm Halal. Để thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường này, cộng đồng doanh nghiệp cần chú trọng, nâng cao nhận thức về các quy định này bởi chứng chỉ Halal là một trong những yêu cầu tiên quyết đối với nông sản, thực phẩm nói chung và thủy sản nói riêng vào các thị trường Hồi giáo.

Về phía các Bộ, ngành, trong khuôn khổ các diễn đàn hợp tác với các nước này, cần đề nghị các nước tiếp tục hỗ trợ, phổ biến thông tin cho doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt về các quy định về chứng nhận sản phẩm Halal; tăng cường phối hợp trong các lĩnh vực liên quan nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu, đảm bảo đáp ứng các quy định của nước nhập khẩu.

Nguyễn Mạnh Cường

THÁI BÌNH

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH BẢO TỒN VÀ KÍCH THÍCH SINH SẢN RƯƠI TỰ NHIÊN ĐEM LẠI HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Ngày 14/11/2019, tại xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Đề tài nghiên cứu xây dựng mô hình bảo tồn rươi và kích thích sinh sản rươi tự nhiên đã và đang bước vào giai đoạn nghiệm thu sản phẩm. Trên mảnh 3 sào ruộng của đề tài thu hoạch lúa trước đó mang lại lợi nhuận về nông nghiệp với sản lượng đạt 1 tạ/sào với giống lúa Hương Thuần chịu mặn, kháng sâu bệnh tốt đem lại năng suất cao cho đề tài.

Đạt tới 6 con nước mới con rươi đã bắt đầu xuất hiện, nó ngoi lên mặt nước theo dòng nước ra cửa ruộng nơi có bề mặt dốc. Các thành viên dự án tiến hành nhanh chóng đóng "săm" mở cửa cống cho nước ra ngoài để thu hoạch rươi. Tổng thu hoạch ngày 14/11 là 10 kg/3 sào và 2 ngày tiếp theo của các con nước nổi thu hoạch thêm 3 kg.

Tại đây, nhóm nghiên cứu đã nghiệm thu rươi trên cánh đồng cùng các đồng chí lãnh đạo của Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Bình và lãnh đạo địa phương xã Hồng Tiến.

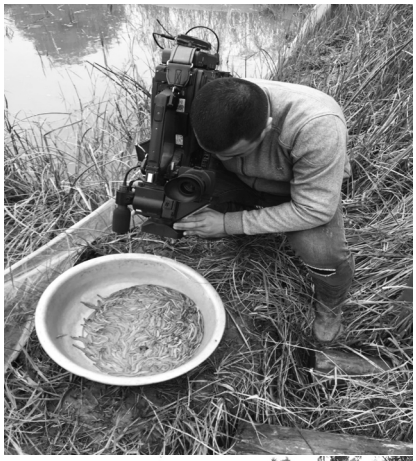

Kết quả giữa mô hình được nuôi thả nhân tạo chăm sóc cùng với ruộng thả rươi của các ruộng bên cạnh cho thấy năng suất gấp 16 lần. Tại đó ruộng lấy rươi tự nhiên thu hoạch được 2 kg/1 mẫu ruộng (tức 10 sào Bắc Bộ). Lãnh đạo Sở khoa học tỉnh Thái Bình cho biết: "Qua áp dụng mô hình đã nâng cao hiệu quả về con rươi, nâng cao năng xuất, kinh tế. Nếu áp dụng rộng ra các mô hình triển khai trong các năm tới sẽ nâng cao năng suất, kinh tế cho tỉnh Thái Bình nói chung và nâng cao kinh tế cho bà con địa phương nói riêng". Chính quyền địa phương tham gia: "Qua một năm ngóng trông đề tài, nghiệm thu so sánh kết quả chúng tôi rất vui mừng và hãnh diện. Sắp tới nếu được mở rộng mô hình cho bà con sẽ giống như một luồng gió mới, mang theo nhiều điều tốt đẹp lại như nâng cao kinh tế cho bà con có đời sống ấm no, con rươi được tái hồi lại là điều tất cả chúng tôi mong ước".

Đề tài thành công được sự trợ giúp đắc lực từ các lãnh đạo Sở Khoa học và chính quyền địa phương. Đặc biệt các hộ dân nuôi cũng rất ngóng trông và hết sức tạo điều kiện cho thành viên đề tài thực hiện dự án. Qua đó đề tài cũng vấp phải không ít khó khăn về địa hình, khí hậu khắc nghiệt và những va vấp mới mẻ bởi các con rươi khi bước đầu nghiên cứu sâu về chúng. Áp dụng rộng mô hình bảo tồn và thả thêm giống rươi sẽ tái tạo lại nguồn lợi rươi và đem lại cho bà con một nguồn sống mới và góp phần tăng trưởng kinh tế cho xã hội.

Phạm Ngọc Mỹ

SỰ CẦN THIẾT PHẢI QUY HOẠCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NƯỚC LỢ, MẶN VÙNG VEN BIỂN TỈNH PHÚ YÊN

Vịnh Xuân Đài nằm ở phía Nam thị xã Sông Cầu (tỉnh Phú Yên) với diện tích mặt nước khoảng 13.000 ha, trải dài từ Vũng Lắm đến Vũng La với cảnh sắc hữu tình, có nhiều đảo, bãi tắm rất đẹp và hoang sơ. Vì vậy vịnh Xuân Đài là một trong những vịnh có tiềm năng du lịch lớn nhất nhì miền Trung.

Bên cạnh đó, với ưu điểm diện tích mặt nước rộng, thoáng, kín gió và môi trường nước ổn định nên thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi thúy sản lồng bè. Loại hình và đối tượng nuôi trồng thủy sản trên vùng mặt nước vịnh Xuân Đài rất phong phú. Với loại hình nuôi ao đầm quanh vịnh: Đối tượng nuôi gồm có tôm thẻ, tôm sú, cá biển, rong biển, cua... trong đó tôm thẻ chân trắng và tôm sú là hai đối tượng nuôi chính. Với loại hình nuôi lồng bè trên vịnh: Đối tượng nuôi chính là tôm hùm.

Nuôi thủy sản bằng lồng bè, đặc biệt là nuôi tôm hùm mang lại hiệu quả kinh tế cao và có tiềm năng phát triển rất lớn, tôm hùm được đánh giá là loài thủy sản nuôi nước mặn chủ lực; là một trong các mục tiêu tái cơ cấu ngành thủy sản của tỉnh. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 phê duyệt Quy hoạch nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn vùng ven biển tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, vịnh

Xuân Đài được quy hoạch nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 865 ha, trong đó diện tích nuôi ao đìa nước lợ ven vịnh 118 ha, diện tích nuôi lồng, bè 747 ha.

Thời gian qua, tôm hùm là nhóm đối tượng nuôi thủy sản chủ lực, khai thác hiệu quả tiềm năng diện tích mặt nước và đóng góp lớn nhất vào sự phát triển kinh tế, xã hội địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động. Tổng số lồng nuôi tôm hùm tăng lên nhanh chóng và phát triển tự phát. Năm 2008, tổng số lồng nuôi tôm hùm thịt trên vịnh Xuân Đài là 6.913 lồng, năm 2010 là 10.946 lồng, năm 2015 là 13.215 lồng và đến năm 2018 đã là 69.142 lồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nuôi thủy sản, nuôi thủy sản lồng bè trên vịnh Xuân Đài còn tồn tại nhiều hạn chế. Do chưa được quy hoạch chi tiết nên chưa thể giao, cho thuê mặt nước theo quy hoạch. Thời gian qua, nghề nuôi tôm hùm lồng bè vịnh Xuân Đài, tỉnh Phú Yên đã có bước phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích mặt nước vịnh Xuân Đài, đổi mới cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và góp phần vào thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nghề nuôi tôm hùm vịnh Xuân Đài còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế: Phát triển mang tính tự phát, thiếu quy hoạch chi tiết, điều kiện cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, trình độ kỹ thuật sản xuất của người dân chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến sản xuất kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường và phát triển thiếu bền vững. Mật độ lồng nuôi dày đặc gấp nhiều lần quy định cho phép (200 lồng/ha trong khi quy định cho phép 30 - 60 lồng/ha). Đồng thời, thức ăn sử dụng hoàn toàn là thức ăn tươi sống. Dẫn đến ô nhiễm cho vùng nuôi và dịch bệnh cho tôm nuôi. Về sản xuất con giống: Chưa thể chủ động sản xuất giống tôm hùm trong nước mà phải phụ thuộc hoàn toàn vào khai thác tự nhiên và nhập khẩu. Vì vậy, tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro về giá thành và chất lượng con giống. Công nghệ nuôi và hệ thống lồng nuôi còn đơn giản, thô sơ, khả năng chống chịu bão kém, trong khi vùng nuôi hàng năm thường xuyên chịu ảnh hưởng bão gió, áp thấp nhiệt đới với tần suất cao. Vì vậy khi thiên tai xảy ra thiệt hại về tài sản cho người nuôi là rất lớn. Thức ăn sử dụng nuôi tôm hùm hiện nay 100% là thức ăn tươi sống, chủ yếu sử dụng cá tạp, cua sò nhỏ,... dễ gây ô nhiễm môi trường, không chủ động nguồn thức ăn nhất là mùa mưa bão, dễ gây bùng phát dịch bệnh, nhất là các bệnh nguy hiểm như tôm sữa, đen mang, vi khuẩn.

Tình hình dịch bệnh còn xảy ra thường xuyên, chưa được kiểm soát. Công tác phòng chống dịch bệnh còn những hạn chế, kiểm soát chất lượng giống chưa làm tốt. Chưa hình thành chuỗi sản xuất, sản phẩm tiêu thụ mới chỉ ở dạng tươi sống, việc tiêu thụ chủ yếu thông qua thương lái thu gom nên bấp bênh về giá và không ổn định. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu tiểu ngạch sang thị trường Trung Quốc hoặc tiêu thụ nội địa. Vốn đầu tư lớn, thời gian nuôi dài, nhưng rủi ro trong sản xuất lại cao, trong khi đó vấn đề bảo hiểm sản xuất thủy sản lồng bè chưa được quan tâm và đề cập đến. Trình độ sản xuất của lao động tham gia nuôi trồng thủy sản còn hạn chế, đa phần dựa vào kinh nghiệm sản xuất tích lũy nhiều năm nên hiệu quả sản xuất chưa tương xứng với tiềm năng và đầu tư.

Số lồng, bè nuôi phát triển tràn lan, vượt nhiều lần so với quy định, không theo quy hoạch, ô nhiễm môi trường vùng nuôi trồng thủy sản ngày càng trầm trọng (do mật độ lồng nuôi và mật độ thả giống cao, thức ăn sử dụng hoàn toàn là thức ăn tươi sống), tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, bệnh sữa trên tôm hùm vẫn xảy ra ở nhiều vùng nuôi. Điển hình như đợt thiệt hại do lũ lụt tháng 11/2016, sự cố môi trường tháng 5 và tháng 6/2017 ở xã Xuân Phương, phường Xuân Yên và tiếp đến là ảnh hưởng của cơn bão số 12/2017 đã gây thiệt hại lớn cho người nuôi.

Vì vậy, để nghề nuôi tôm hùm vịnh Xuân Đài phát huy lợi thế và tiềm năng, hạn chế tồn tại trong công tác quản lý, giảm thiểu rủi ro cho người nuôi, hướng đến phát triển bền vững, thân thiện môi trường, tránh chồng chéo quy hoạch với các ngành nghề khác trên vịnh Xuân Đài cần thiết phải có đánh giá hiện trạng nuôi tôm hùm trên vịnh Xuân Đài để làm cơ sở cho "Quy hoạch chi tiết mặt nước nuôi thủy sản vịnh Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030" góp phần phát triển phù hợp, hiệu quả và bền vững nghề nuôi trồng thủy sản và nuôi thủy sản vịnh Xuân Đài trong thời gian tới.

Nguyễn Thị Lệ

ỨNG DỤNG BẰNG CÔNG NGHỆ ĐO SÂU HỒI ÂM ĐA TIA (MULTIBEAM) KẾT HỢP CỘNG NGHỆ RTK (REAL TIME KINEMATIC) VÀ CÔNG NGHỆ MÁY BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI (UAV) TRONG QUY HOẠCH CHI TIẾT MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VỊNH XUÂN ĐÀI

Hiện trạng nuôi trồng thủy sản vịnh Xuân Đài

Vịnh Xuân Đài thuộc địa phận thị xã Sông Cầu, với tổng diện tích mặt nước khoảng 130,45 km² thuộc địa phận của 04 xã, phường: Xuân Đài, Xuân Thành, Xuân Yên và Xuân Phương. Khu vực có địa hình nghiêng từ Tây sang Đông, thấp dần từ Bắc xuống Nam. Bao quanh vịnh có một số dãy núi cao từ 128 - 358 m. Tổng diện tích mặt nước 13.000 ha có độ sâu từ 7 - 18 m. Bờ vịnh dài khoảng 50 km, chạy qua nhiều vùng địa hình khác nhau như: Gành Đèn, mũi Đá Ong, Gành Đỏ, Gành Bà, Vũng Lắm, Vũng Mắm, Vũng Dông, Vũng Sứ, Vũng Chào, Vũng Me, Vũng La, bãi Ôm, bãi Từ Nham, mũi Động Tranh, mũi Gành Tướng, hòn Móm, mũi Tai Mã,... Địa hình đáy vịnh Xuân Đài có địa hình nghiêng từ Tây sang Đông, thấp dần từ Bắc xuống Nam, phân tích rõ phân tầng độ sâu từng khu vực.

Đến hết năm 2018 toàn vịnh Xuân Đài có 2.420 hộ nuôi trồng thủy sản (trong đó 5% số hộ chưa đăng ký kê khai ban đầu với địa phương) với tổng số lồng nuôi trên 86.119 lồng (lồng ương tôm hùm giống là 16.256 lồng, lồng nuôi tôm hùm thịt 69.142 lồng và lồng nuôi cá biển 721 lồng). Mật độ thả nuôi cao (khoảng 200 lồng/ha - gấp 3,5 lần so với quy định) dẫn đến nguy cơ mất kiểm soát và tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro cho cả người nuôi và môi trường.

Để khảo sát địa hình, tỷ lệ 1/2000, đo đạc bản đồ hiện trạng trong vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè ứng dụng bằng công nghệ đo sâu hồi âm đa tia (Multibeam) kết hợp công nghệ RTK (Real Time Kinematic) đo đạc bản đồ địa hình đáy biển và công nghệ máy bay không người lái (Unmanned Aerial Vehicles - UAV) xác định số lượng lồng bè nuôi trên vịnh Xuân Đài.

Quá trình đo vẽ được thực hiện trên Hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trục 108030', múi chiếu 30. Số liệu đo sâu được quy chuẩn trực tiếp về Hệ độ cao Quốc gia Hòn Dấu khi sử dụng kết hợp công nghệ đo sâu hồi âm đa tia, công nghệ RTK và mô hình Geoid VN-EGM 2008.

Công tác đo sâu đa tia cung cấp một lượng dữ liệu lớn hơn trong quá trình khảo sát, với mật độ đường tương đương đo đơn tia ở tỷ lệ 1/2.000, công tác đo sâu đa tia sẽ tiết kiệm thời gian, đạt độ chính xác cao cho nền địa hình giúp giảm thiểu tối đa công tác đo sâu thành lập bản đồ địa hình đáy biển của khu vực dự án. Mặt khác, số

liệu thu được của công nghệ đo sâu đơn tia ít hơn rất nhiều so với đo sâu đa tia. Với việc có thể xuất dữ liệu đo với mật độ 3 × 3 m khi sử dụng công nghệ đo sâu đa tia có thể phát hiện được các thay đổi địa hình trong khoảng ≥ 2 m dưới đáy.

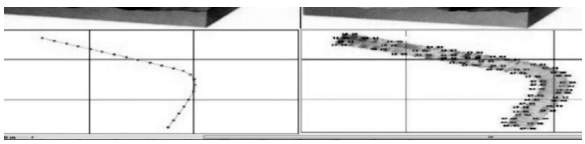

Minh họa dữ liệu thu được từ đo sâu hồi âm đơn tia (trái) và đa tia (phải)

Áp dụng phương pháp đo sâu bằng hệ thống đo sâu hồi âm đa tia (Multibeam) kết hợp hệ thống RTK và mô hình Geoid EGM 2008. Tuy nhiên, công tác nghiệm triều truyền thống vẫn có thể được áp dụng để cải chính vào số liệu khảo sát thay cho công tác tính độ cao trực tiếp từ công nghệ RTK và mô hình Geoid. Phương pháp định vị bằng hệ thống RTK phục vụ cho việc đo địa hình đáy biển.

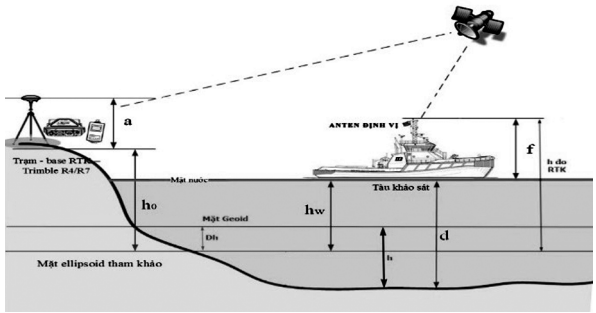

Hiện trạng nuôi trồng thủy sản trên tại phường Xuân Thành, TX. Sông Cầu.

Đối với công nghệ máy bay không người lái (Unmanned Aerial Vehicles - UAV): Trạm điều khiển mặt đất máy tính bảng được cài đặt phần mềm lập trình bay và điều kiển bay, bộ điều kiển có thiết bị thu phát tín hiệu dùng để kết nối máy tính bảng với máy bay; Hệ thống máy bay bao gồm: Thân máy bay, đầu thu GPS, cảm biến tốc độ gió, cảm biến độ cao, cảm biến áp suất, cảm biến cân bằng và bộ thu phát tín hiệu.

Theo kết quả đo đạc chi tiết diện tích 747 ha tại 4 địa điểm xã/phường: Xuân Đài, Xuân Thành, Xuân Yên và xã Xuân Phương đã xác định được 1.326 cụm bè ước tính có 43.758 ô lồng và lồng ganh 21.764 lồng. Như vậy, trong diện tích 747 ha quy hoạch (chiếm 30% tổng diện tích nuôi toàn vịnh) số lồng nuôi 65.522 lồng.

Vùng nuôi trồng thủy sản có độ cao đáy biển từ -4m trở lên phù hợp cho nuôi trồng thủy sản lồng bè. Toàn bộ diện tích 747 ha đo đạc khảo sát có cao độ đáy biển từ -4 m trở lên, không chồng lấn lên rạn san hô, rạn bùn đủ điều kiện bố trí diện tích nuôi trồng thủy sản lồng bè.

Áp dụng phương pháp khảo sát bản đồ đã mô tả địa hình đáy biển khu vực nuôi trồng thủy sản, cung cấp dữ liệu chính xác về độ cao, rạn san hô, rạn bùn.., tọa độ từng vị trí phục vụ công tác bố trí các diện tích phân lô quy hoạch. Kết quả đo đạc mặt nước biển bằng công nghệ máy bay không người lái cũng mô tả chi tiết, rõ nét hiện trạng lồng bè đang nuôi trồng thủy sản trên vịnh Xuân Đài phục vụ công tác xác định số lượng lồng bè có biện pháp sắp xếp vào các vị trí quy hoạch.

Lại Thị Thùy

TỔN THẤT SAU THU HOẠCH TRONG KHAI THÁC THỦY SẢN TỪ GÓC NHÌN THỰC TẾ

Hình ảnh khảo sát cảng cá năm 2019.

Ngành thủy sản có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Trong những năm vừa qua, lĩnh vực khai thác thủy sản nói chung đã có sự phát triển nhanh và duy trì mức tăng trưởng ổn định. Khai thác thủy sản đã có nhiều bước tiến trong việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ, hướng tới xuất khẩu, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói riêng và của nền kinh tế quốc dân nói chung. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thủy sản, tính đến năm 2018, cả nước có 95.847 tàu cá. Trong đó, tàu có chiều dài từ 6 - <12 m là 46.491 chiếc, từ 12 - <15 m là 18.914 chiếc, từ 15 - <24 m là 27.484 chiếc, từ 24 m trở lên là 2.958 chiếc.

Tổng sản lượng khai thác biển năm 2018 là: 3.372,7 nghìn tấn. Tuy nhiên, những kết quả đạt được trong thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế tự nhiên. Các nguồn lực chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, tổn thất sau thu hoạch trong khai thác thủy sản còn rất lớn. Theo báo cáo của Tổng cục Thủy sản tại Hội nghị bàn giải pháp giảm tổn thất sau thu hoạch trong khai thác thủy sản tổ chức tại Khánh Hòa, tổn thất sau thu hoạch của các nghề khai thác hải sản hiện nay khoảng 15-25%, trong đó nghề lưới kéo có tỷ lệ tổn thất cao nhất. Các nghề khai thác bằng lưới vây, chụp mực, bẫy mực, nghề câu có tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch khoảng 12-18%.

Nguyên nhân chính của tình trạng chất lượng sản phẩm thủy sản bị giảm sau khai thác là do tàu thuyền có kích thước nhỏ, đóng theo mẫu dân gian nên kết cấu hầm bảo quản chưa hợp lý. Phương pháp bảo quản chủ yếu bằng đá xay nên thời gian bảo quản ngắn trong khi thời gian chuyến biển khá dài. Bên cạnh đó, ngư dân thường sử dụng túi nilon để đựng cá khi muối nên cá bị dập nát, đặc biệt là các lớp cá ở dưới. Vì vậy, sản phẩm khai thác khi về đến bờ thường bị giảm chất lượng, số lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn chế biến xuất khẩu không cao, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất của chuyến biển. Ngoài ra, công tác xử lý cá trước khi bảo quản trên tàu cũng còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Một số cảng cá, bến cá chưa được đầu tư đồng bộ nhà phân loại, sơ chế sản phẩm cũng

là một trong những nguyên nhân làm giảm chất lượng sản phẩm thủy sản sau khai thác.

Ngoài nguyên nhân về cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho tàu thuyền, vấn đề ý thức của ngư dân trên tàu cũng như nậu vựa tại các cảng cá, bến cá cũng là nguyên nhân dẫn đến tổn thất sau thu hoạch. Trên thực tế việc sản phẩm sau khai thác khi được vận chuyển lên cảng cá để thực hiện việc buôn bán cũng là vấn đề cần nghiêm túc cần nhìn nhận lại cách bảo quản. Hầu hết sản phẩm khi từ tàu vận chuyển lên cảng trong tình trạng không được bảo quản, che đậy, sản phẩm phơi khô để thuận tiện cho việc lựa chọn và cân, tuy nhiên thời gian thực hiện công đoạn này kéo dài làm giảm chất lượng sản phẩm. Trong một chuyến khảo sát chúng tôi nghi nhận được tại cảng cá có 1 lô hàng khoảng hơn 10 con cá ngừ đại dương được vận chuyển lên cảng để trực tiếp dưới nền xi măng (vốn là lối đi của xe ô tô), bên cạnh là vũng máu cá trông rất mất vệ sinh, cá hoàn toàn không được bảo quản. Thời gian chúng tôi khảo sát tại đây khoảng 30 phút, tuy nhiên việc trao đổi mua bán vẫn chưa thực hiện xong.

Vấn đề giảm tổn thất sau khai thác thủy sản đã được bàn luận rất nhiều, một trong những biện pháp nhất thiết cần phải giới thiệu các ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Mục tiêu của ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong khai thác thủy sản là nâng cao giá trị gia tăng, giảm sức lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất, khai thác chọn lọc nhằm phát triển bền vững, không chạy theo sản lượng, khắc phục tình trạng tổn thất trong khai thác và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. Tuy nhiên vấn đề lớn và cần thiết nhất là nâng cao được ý thức cho ngư dân, nậu vựa, hạn chế tối đa việc mua bán sản phẩm diễn ra trong thời gian dài mà không có biện pháp bảo quản. Tại các cảng cá bắt buộc phải có dụng cụ chứa đựng sản phẩm tránh để trực tiếp sản phẩm trên lối đi.

Nguyễn Thị Kim Lại

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG NUÔI TÔM TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ TIỀM NĂNG ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI TRONG THỜI GIAN TỚI

Việc sử dụng nguồn điện 3 pha mang nhiều lợi thế cho sản xuất tôm, tuy nhiên người nuôi cần phải đầu tư đồng bộ trang thiết bị về điện để có thể phát huy lợi thế này.

Hiện nay, có ba hình thức sử dụng nguồn điện trong nuôi tôm là điện sản xuất 1 pha, 3 pha và điện sinh hoạt 1 pha. Theo Võ Nam Sơn và Đào Minh Hải (2018), chi phí điện trong nuôi tôm thẻ chân trắng lót bạt tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) chiếm 7,05% chi phí sản xuất, trong ao đất là 6,28% và tôm sú thâm canh là 7,00%. Sử dụng điện 3 pha cho hiệu quả tài chính cao hơn điện 1 pha. Ưu điểm của các nguồn điện sản xuất là giá thấp và tương đối ổn định về điện áp trong quá trình sử dụng. Tuy nhiên, nguồn điện 3 pha ở một số nơi có điện áp không đều nhau khiến cho việc sử dụng động cơ 3 pha chưa ổn định. Việc sử dụng nguồn điện 3 pha mang nhiều lợi thế cho sản xuất tôm, tuy nhiên người nuôi cần phải đầu tư đồng bộ trang thiết bị về điện để

có thể phát huy lợi thế này, đặc biệt là các cơ sở nuôi muốn nâng cấp hoặc cải tiến công nghệ nuôi. Trong khi đó, việc sử dụng điện sinh hoạt gặp nhiều khó khăn như điện áp không ổn định, giá mua điện cao. Để phát triển điện 3 pha đồng bộ cho các vùng nuôi tôm, cần có sự hợp tác giữa nhà quản lý, điện lực và người nuôi trong việc đầu cơ sở hạ tầng điện vì một số vùng nuôi cách xa hệ thống điện cao thế, hay khu vực nuôi có nhiều hộ nhỏ, lẻ nên việc đầu tư lưới 3 pha cho sản xuất là khá khó khăn.

Theo đánh giá của các cơ quan điện lực, hiện nay năng lực cung cấp điện lưới cho hoạt động nuôi tôm là khả thi và còn cơ hội để nâng cấp thành hệ thống năng lượng điện mặt trời. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư cho điện hạ thế có phần hạn chế, cần có sự hỗ trợ từ nhiều nguồn khác nhau. Một số vùng nuôi còn sử dụng điện sinh hoạt cho hoạt động nuôi tôm nên chi phí điện vẫn còn cao so với điện sản xuất. Người nuôi tôm quy mô nhỏ chưa sử dụng hợp lý điện trong sản xuất tôm, chưa mua sắm, trang bị một cách đồng bộ máy móc trong việc sử dụng điện khiến thế mạnh về việc sử dụng điện 3 pha trong sản xuất chưa phát huy được hiệu quả đầy đủ. Một số hộ có điện 3 pha nhưng lại tách riêng từng pha để sử dụng động cơ 1 pha gây lãng phí và kém hiệu quả. Hệ thống cung cấp oxy nói chung còn mang tính lắp ráp thủ công nhằm mục đích thuận tiện cho người dân, nhưng chưa được kiểm chứng về mức độ an toàn và hiệu quả sử dụng năng lượng cũng như hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi.

Nhằm thích ứng với sự cố cúp điện, các hộ nuôi đã chọn hai giải pháp là: (i) Dùng máy phát điện công suất phù hợp để cung cấp điện cho toàn bộ khu nuôi; (ii) Dùng máy dầu để cung cấp oxy cho từng ao. Theo Võ Nam Sơn và Đào Minh Hải (2018), mặc dù đầu tư lớn (100-150 triệu/máy phát điện) nhưng mang lại hiệu quả rất lớn khi toàn bộ khu nuôi từ hoạt động bơm nước hay cung cấp oxy đều có thể chuyển sang động cơ điện, tiết kiệm được chi phí mua máy dầu cỡ nhỏ với giá từ 4,5 – 10 triệu/cái để trang bị cho từng ao. Khi trang bị máy phát điện dự phòng thì việc quản lý ao nuôi cũng đơn giản hơn nhiều, tiết kiệm được phí nhân lực, giảm rủi ro khi điện bị cắt.

Theo đánh giá sơ bộ của người nuôi thì việc phát triển điện "sạch" từ năng lượng mặt trời, năng lượng gió hay Bio-Gas hiện vẫn đang được cân nhắc. Trong thời gian vừa qua, đặc biệt là trong năm 2019 đã có một số dự án như dự án SUSV của OXFAM và ICAFIS, dự án của WWF,... hỗ trợ các địa phương tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo với ngành điện và các ngân hàng để thảo luận về khả năng thí điểm xây dựng hệ thống cung cấp điện mặt trời trong các vùng nuôi tôm thâm canh tại 3 tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau. Theo đó, các chuyên gia về năng lượng cho rằng, việc đầu tư lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho các vùng nuôi tôm tập trung thâm canh tại ĐBSCL là khả thi, nhưng sẽ đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu lớn hơn nhiều so với đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái dùng trong sinh hoạt hiện nay.

Để có thể đưa ý tưởng này vào thực tiễn thì việc phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau giữa các ngành như thủy sản, ngành điện, ngân hàng và bà con nuôi tôm là rất cần thiết. Đồng thời, tập quán sử dụng điện của bà con cũng cần phải thay đổi sang hướng hiệu quả, chuyên nghiệp và an toàn hơn. Ngành điện và ngân hàng cũng nên có các chính sách tín dụng hỗ trợ cho người nuôi các chi phí đầu tư ban đầu cho việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời tại vùng nuôi tôm; và ngành điện cũng nên có hướng dẫn và thông tin cụ thể về các thông số kỹ thuật, hiệu quả đầu tư của các hệ thống này.

Cao Lệ Quyên

QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN Ở NHẬT BẢN

Phiên đấu giá cá ngừ ở chợ cá Tsukiji, Nhật Bản (Nguồn: The Japan Times)

Nghề cá đóng một vai trò quan trọng trong an ninh lương thực ở Nhật Bản. Là một quốc đảo với đường bờ biển dài 29.751 km, Nhật Bản có một trong những vùng đặc quyền kinh tế lớn thứ sáu trên thế giới với khoảng 4,48 triệu km², lớn hơn khoảng 12 lần so với diện tích đất liền của Nhật Bản. Sự kết hợp của dòng nước ấm và lạnh chảy dọc theo bờ biển tạo ra cho Nhật Bản một trong những ngư trường năng suất cao nhất trên thế giới.

Tuy nhiên, trận sóng thần năm 2011 đã ảnh hưởng đến tổng sản lượng thủy sản (bao gồm cả đánh bắt và nuôi trồng), giảm từ 4,8 triệu tấn năm 2010 xuống còn 4,3 triệu tấn năm 2011. Tổng sản lượng vẫn khá ổn định trong những năm tiếp theo, nhưng đến năm 2016 đã giảm xuống còn 3,9 triệu tấn, tiếp tục giảm trong năm 2017 tới mức 3,8 triệu tấn. Kể từ đỉnh điểm năm 1988 (11,2 triệu tấn), nghề cá đánh bắt đã theo xu hướng giảm và giảm 7% trong năm của sóng thần (xuống còn 3,8 triệu tấn) và đạt mức 3,2 triệu tấn vào năm 2017. Sản lượng nuôi trồng thủy sản giảm bằng 22% trong năm của sóng thần, nhưng sau đó nó đã phục hồi và năm 2017 đã thu được 615.060 tấn.

Kết quả của sự tác động kết hợp giữa hậu quả của trận sóng thần năm 2011 và xu hướng già hóa dân số, tổng số ngư dân đã giảm từ 202.900 vào năm 2014 xuống còn 195.149 trong năm 2017. Nhu cầu tiêu thụ về thủy sản của Nhật Bản là rất lớn. Trong năm 2016, mức tiêu thụ cá bình quân đầu người ước tính khoảng 45,3 kg bình quân đầu người. Năm 2017, Nhật Bản là quốc gia nhập khẩu cá và sản phẩm thủy sản lớn thứ

hai sau Hoa Kỳ với giá trị nhập khẩu trị ước tính 15 tỷ USD. Tuy nhiên, theo ước tính của FAO, sản lượng thủy sản sản xuất tại Nhật Bản chỉ đáp ứng được khoảng 68% nhu cầu tiêu thụ của người Nhật. Do đó, Nhật Bản là thị trường xuất khẩu tiềm năng cho ngành thủy sản Việt Nam.

Chính phủ Nhật Bản sử dụng nhiều lớp thủ tục để quản lý nguồn lợi thủy sản, bao gồm:

Luật thuyền đánh cá và các văn bản luật liên quan đến tàu thuyền khác đặt ra các quy định về xây dựng, đăng ký và kiểm tra tàu đánh cá. Chính phủ Nhật Bản duy trì hệ thống đăng ký tàu cá, tổng số tàu và tổng trọng tải của tàu cá được theo dõi chặt chẽ. Giấy phép từ quốc gia hoặc khu vực. Để xây dựng hoặc cải hoán các tàu đánh cá từ 10 mét trở lên hay thuyền đánh cá có động cơ trên 5 tấn, phải có giấy phép cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh hoặc Trung ương. Chỉ các tàu đã đăng ký theo hệ thống này mới có thể tham gia hoạt động khai thác thủy sản.

Luật Thủy sản quy định hệ thống cơ bản liên quan đến hoạt động nghề cá. Nó cung cấp các quy tắc và các quy định cho nghề cá bằng cách thiết lập hệ thống phân cấp giấy phép khai thác bao gồm: (i) Hệ thống giấy phép quốc gia (cho các tàu hoạt động trong phạm vi quốc gia hoặc trong vùng biển quốc tế); (ii) Hệ thống giấy phép cấp tỉnh (cho các tàu hoạt động trong phạm vi vùng lộng một tỉnh); (iii) Hệ thống quản lý dựa trên quyền khai thác truyền thống (cho các nhóm ngư dân hoạt động ven bờ). Số lượng giấy phép được giới hạn nghiêm ngặt và kiểm soát chặt chẽ bởi Chính phủ. Mỗi giấy phép chỉ cấp cho một tàu cá với loài nhất định. Giấy phép quy định các điều khoản và điều kiện chi tiết cho hoạt động, bao gồm các hạn chế về khu vực đánh bắt, mùa đánh bắt, cảng neo đậu, ngư cụ được phép sử dụng.

Luật Bảo tồn và Quản lý Tài nguyên sinh vật biển cung cấp các điều khoản liên quan đến tổng sản lượng có thể khai thác (TAC), tổng năng lực cho phép (TAE) và một kế hoạch cơ bản để bảo tồn và quản lý nguồn lợi biển sống trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ).

Hệ thống TAC được thực hiện bởi Chính phủ Nhật cho 7 loài thủy sản chính (là các loài có giá trị thương mại cao; hoặc các loài cần các biện pháp bảo tồn tài nguyên khẩn cấp, hoặc các loài được đánh bắt ở nước ngoài). Hệ thống này đặt giới hạn khai thác cho phép hàng năm của mỗi loài trong vùng đặc quyền kinh tế; dữ liệu khoa học chi tiết về điều kiện sinh trưởng và phát triển của từng loài được sử dụng để tính toán.

Hệ thống TAE đặt giới hạn trên cho số ngày câu cá và số lượng tàu hoạt động trong một khu vực cụ thể trong vùng đặc quyền kinh tế, được thành lập cùng với hệ thống TAC. Điểm tiện lợi của hệ thống TAE có thể được sử dụng ngay cả khi không có dữ liệu khoa học chi tiết cần thiết để tính toán TAC, hệ thống TAE được coi là phù hợp để quản lý các loài có sự đa dạng đang giảm đi rõ rệt hoặc mức độ đa dạng của nó dao động chủ yếu tùy thuộc vào điều kiện hải dương học hoặc các yếu tố tự nhiên khác.

Các hoạt động thực thi các quy định về quản lý nguồn lợi thủy sản được thực hiện thông qua hệ thống giám sát và kiểm tra tàu khi cập cảng. Thông tin được cập nhật liên tục lên các trang web quản lý. Chính phủ cử các tàu tuần tra và máy bay, cả trong và ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Nhật, cho giám sát và giám sát hoạt động khai thác.

Hệ thống quản lý đồng bộ, phân cấp trách nhiệm rõ ràng, đảm bảo các sản phẩm thủy sản khai thác muốn tiêu thụ tại thị trường Nhật Bản cần đáp ứng truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Đây là một trong bài học cho việc quản lý nguồn lợi thủy sản ở Việt Nam.

Hoàng Dương

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU THỦY SẢN CHÍNH NGẠCH SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

Từ ngày 1/10/2019, các lô hàng thực phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc đều phải có chứng thư xuất khẩu đi kèm

Trong năm 2018, kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam vào thị trường Trung Quốc đạt trên 1,21 tỷ USD chiếm 13,8% và đứng thứ 4 sau Mỹ, EU và Nhật Bản. Trong 5 tháng đầu năm 2019 đạt trên 381,8 triệu USD, giảm 3,9% so với cùng kỳ 2018. Tôm và cá tra là 2 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Trung Quốc, chiếm 73,9% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này. Trong 5 tháng đầu năm, xuất khẩu cá tra đạt 169,8 triệu USD, giảm 0,9%; xuất khẩu tôm đạt 112,4 triệu USD, giảm 17% so với cùng kỳ 2018. Một số mặt hàng có tăng trưởng tốt như: tôm sống (tăng 44,1%), surimi (+49,3%), cá cơm đông lạnh (+132,9%), cá ngừ đông lạnh (+294,4%), mực đông lạnh (+159,2%), cua sống tăng 142,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Chính phủ Trung Quốc đã có những động thái tăng cường công tác quản lý xuất nhập khẩu, siết chặt thương mại "tiểu ngạch", chỉ cho phép xuất nhập khẩu "chính ngạch" thông qua các cửa khẩu chính nhằm kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm nghiệm kiểm dịch và truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác, giấy chứng nhận đối với thủy sản xuất khẩu vào Trung Quốc. Hiện nay, Trung Quốc đã đầu tư, xây dựng, nâng cấp các phòng kiểm nghiệm, kiểm dịch hàng hóa quy mô lớn tại khu vực giáp biên giới với trang thiết bị hiện đại, tương đương với các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, EU,... Theo kế hoạch, từ ngày 01/10/2019, các lô hàng thực phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc đều phải có chứng thư xuất khẩu đi kèm. Đối với mặt hàng cá tra: Việc Mỹ tăng thuế nhập khẩu các sản phẩm thủy sản của Trung Quốc dẫn tới các sản phẩm thủy sản, đặc biệt là cá rô phi sẽ quay trở lại phục vụ thị trường nội địa Trung Quốc dẫn tới nhu cầu nhập khẩu cá tra của Việt Nam giảm. Đối với mặt hàng tôm: Do từ đầu năm 2019 đến nay, thời tiết thuận lợi khiến nguồn cung từ các nước Ấn Độ, Ecuador, Indonesia, Thái Lan,...đều tăng so với cùng kỳ 2018, dự báo sẽ còn tăng mạnh trong mùa thu hoạch sắp tới. Do vậy, tôm Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khốc liệt về giá tại thị trường Trung Quốc. Mặt khác, thời gian vừa qua đồng Nhân dân tệ mất giá cũng là yếu tố gây ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này.

Trong thời gian vừa qua, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc đã có sự giảm sút đáng kể do những tác động của việc thay đổi chính sách nhập khẩu của Trung Quốc theo hướng tăng cường kiểm soát và siết chặt hoạt động nhập khẩu qua đường tiểu ngạch. Chính vì vậy, để đáp ứng với những quy định mới, thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch thủy sản sang thị trường Trung Quốc thì các chủ thể tham gia vào hoạt động quản lý, sản xuất, chế biến, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam cần phải thực hiện một số giải pháp như sau: (1)Tăng cường kiểm tra, giám sát, cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xuất khẩu, chứng thư lô hàng và đề xuất giải pháp nâng cao quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc và quản lý thị trường đối với các cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản xuất khẩu; (2) Đề nghị phía bạn phối hợp trong việc kiểm soát nhập khẩu qua đường biên, chỉ cho phép nhập khẩu các lô hàng có bao bì ghi rõ và đầy đủ các nội dung được cơ quan chức năng hai nước đã thống nhất và được chế biến tại các cơ sở nằm trong danh sách đủ điều kiện xuất khẩu sang Trung Quốc. Tiếp tục đề nghị phía Trung Quốc công nhận và cập nhật danh sách các cơ sở

chế biến thủy sản đủ điều kiện xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc; (3) Phối hợp với các cơ quan thẩm quyền Trung Quốc, chỉ đạo các địa phương quản lý và kiểm soát chặt chẽ các thương nhân Trung Quốc có hoạt động thu gom, sơ chế, chế biến thủy sản tại Việt Nam để vận chuyển, tiêu thụ tại Trung Quốc. Thường xuyên tổ chức Hội thảo, hội nghị tập huấn, phổ biến, cập nhật kịp thời các quy định về xuất nhập khẩu thủy sản từ các cơ quan thẩm quyền Trung Quốc như: Truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh,... cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến sản xuất, chế biến, xuất khẩu thủy sản để xuất khẩu bằng đường biên sang thị trường Trung Quốc; (4) Tổ chức các hoạt động khảo sát thị trường, giới thiệu để các doanh nghiệp tiếp thị quảng bá tại các hội chợ thực phẩm có sự tham gia của các chuỗi nhà hàng, khách sạn, chế biến suất ăn,... tại các địa phương lớn của Trung Quốc với mục đích giúp các doanh nghiệp đa dạng các kênh tiêu thụ, không bị lệ thuộc quá nhiều vào các công ty nhập khẩu phân phối thường có tập quán yêu cầu các hợp đồng ở dạng độc quyền; (5) Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp 2 nước thúc đẩy giao thương thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, giao lưu giữa các doanh nghiệp, hiệp hội, địa phương tại Việt Nam và một số tỉnh trọng điểm của Trung Quốc như: Bắc Kinh, Thượng Hải, Sơn Đông, Liêu Ninh, Trùng Khánh, Phúc Kiến, Tứ Xuyên, Quảng Tây, Quảng Đông, Đông Hưng,... nhằm thâm nhập sâu hơn vào thị trường nội địa Trung Quốc và các kênh tiêu thụ, phân phối trực tiếp đến người tiêu dùng như: các chuỗi siêu thị, hệ thống khách sạn, nhà hàng, qua kênh phân phối điện tử trực tuyến của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn,...

Nguyễn Thị Kim Lại

CÁ NGỪ VIỆT NAM
CHẶNG ĐƯỜNG HỘI NHẬP PHÍA TRƯỚC

Việt Nam với vùng đặc quyền kinh tế hơn 1 triệu km^2, có nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú về thủy hải sản. Theo Viện Nghiên cứu Hải sản, vùng biển Việt Nam hiện có tới trên 2.000 loài cá sinh sống ở với trữ lượng dao động trong khoảng 3,1 - 4,2 triệu tấn, với khả năng khai thác 1,4 - 1,6 triệu tấn. Tiềm năng nguồn lợi hải sản của nước ta rất lớn, tuy nhiên khả năng khai thác còn rất hạn chế, chủ yếu tập trung ven bờ gây ra sự mất cân đối làm cho nguồn hải sản ven bờ nhanh chóng cạn kiệt.

Đối tượng đánh bắt xa bờ chủ yếu hiện nay của ngư dân là cá ngừ đại dương. Mặc dù mới phát triển mạnh trong gần hai thập kỷ gần đây, cá ngừ đang dần khẳng định là một trong những mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Giá trị kim ngạch xuất khẩu cá ngừ tăng trưởng nhanh từ 293.1 triệu USD năm 2010 lên hơn 592.87 triệu USD năm 2017. Sự phát triển nghề khai thác cá ngừ đại dương đã đem lại nhiều đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế đất nước nói chung, giải quyết nhu cầu việc làm, giảm gánh nặng cho khai thác thủy sản ven bờ, cân đối nguồn lợi khai thác hải sản trên biển, đồng thời bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Tuy nhiên, nghề khai thác cá ngừ đại dương trong thời gian gần đây đã bộc lộ nhiều hạn chế. Giá cá ngừ đại dương liên tục sụt giảm, năng suất khai thác có tăng nhưng giá trị kinh tế lại giảm. Ví dụ giá thu mua cá ngừ từng giảm xuống chỉ còn 100.000 - 110.000 đồng/kg trong giai đoạn 2013 hay việc Ủy ban châu Âu (EU) rút thẻ vàng đối với thủy sản Việt Nam có hiệu lực từ ngày 23/10/2017.

Bên cạnh những nguyên nhân như sự thiếu thông tin về đối tượng và ngư trường khai thác, ngư cụ và phương pháp khai thác còn lạc hậu, kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm còn lạc hậu, mạng lưới thu mua... một nguyên nhân nổi cộm hiện nay là thiếu cập nhật dữ liệu quản lý về nguồn lợi, về ngư trường, về sản lượng, về thành phần loài cá ngừ đánh bắt theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Việt Nam đã phê chuẩn và tham gia Hiệp định về Biện pháp các quốc gia có cảng nhằm

Bảo quản cá ngừ tại cảng

ngăn chặn, loại bỏ khai thác IUU của FAO (Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 06/7/2018 của Chính phủ). Bên cạnh đó, với tư cách là một quốc gia chưa phải là thành viên nhưng có hợp tác (CNM), Việt Nam đã, đang, sẽ tuân thủ một số các quy định của Ủy ban nghề cá Trung và Tây Thái Bình Dương (WCPFC) như giao nộp dữ liệu cá ngừ, báo cáo sản lượng và hoạt động khai thác cá ngừ thường niên; áp dụng các biện pháp bảo vệ nguồn lợi cá ngừ mắt to; quản lý tàu khai thác IUU;...

Tuy nhiên, theo Ủy ban Khoa học của WCPFC đã đánh giá rằng việc cung cấp số liệu của Việt Nam cũng như các nước vùng biển Đông Á khác (Indonesia và Philippines) về sản lượng, cường lực khai thác và các số liệu sinh học phục vụ công tác quản lý nghề cá không đồng bộ, chưa theo tiêu chuẩn của WCPFC, độ bao phủ chưa đủ theo quy định quốc gia và theo yêu cầu của WCPFC đã gây ra những hạn chế lớn trong công tác đánh giá và quản lý nguồn lợi cá ngừ của WCPFC. Cả ba nước cần phải có những hành động cải thiện chất lượng dữ liệu cung cấp.

Để khắc phục tình trạng trên, Dự án quản lý nghề cá ngừ trong vùng biển Tây Thái Bình Dương và Đông Á (tên tiếng Anh Western Pacific East Asia - Improved Tuna Management (WPEA-ITM)) tài trợ của Chính phủ New Zealand (thông qua Ủy ban nghề cá Trung - Tây Thái Bình Dương WCPFC). Tổng cục Thủy sản làm chủ dự án sẽ triển khai. Thời gian triển khai trong 05 năm từ năm 2018 đến năm 2022.

Trong khuôn khổ dự án, sáu hợp phần sẽ được thực hiện bao gồm:

Hoàn thiện thể chế và chính sách gồm các hoạt động: rà soát khung chính sách và văn bản pháp luật và đề xuất giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý nghề cá ngừ tại mỗi nước; xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện chương trình giám sát hoạt động khai thác trên tàu sản xuất (observer); tổ chức các hội thảo đánh giá, góp ý báo cáo tư vấn rà soát, xây dựng thể chế và chính sách quản lý nghề cá ngừ.

Thực hiện chương trình thu mẫu cá ngừ tại cảng: sẽ tiếp tục thực hiện thu mẫu sản lượng cá ngừ tại các cảng cá của 09 tỉnh: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu; tổ chức các cuộc tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ hoạt động thu thập dữ liệu cá ngừ.

Thực hiện chương trình giám sát hoạt động khai thác trên tàu gồm: Xây dựng Chương trình giám sát hoạt động khai thác (observer) trên tàu khai thác cá ngừ đại dương tại các tỉnh trọng điểm; Xây dựng các biểu mẫu thu thập số liệu giám sát tài liệu hướng dẫn thực hiện hoạt động giám sát hoạt động khai thác trên tàu cá; Tổ chức đào tạo, tập huấn cho các giám sát viên trên tàu và cán bộ điều phối chương trình giám sát viên; Thực hiện chương trình giám sát hoạt động khai thác trên các tàu khai thác cá ngừ đại dương tại các tỉnh trọng điểm.

Tăng cường năng lực thu thập, phân tích dữ liệu phục vụ quản lý nghề cá ngừ gồm: Tổ chức hội thảo thường niên ước tính sản lượng khai thác cá ngừ tại mỗi nước; Tham dự các hội thảo thường niên khu vực về các phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu, phương pháp đánh giá trữ lượng cá ngừ do SPC tổ chức; Tổ chức các hội thảo, tập huấn kỹ thuật thu thập, xử lý dữ liệu cá ngừ cho các cán bộ tham gia dự án.

Xây dựng cơ sở dữ liệu cá ngừ quốc gia gồm: Trang bị máy chủ và cài đặt các phần mềm cơ sở dữ liệu, xử lý, phân tích và đánh giá quản lý cá ngừ đồng bộ với WCPFC như: TUFMAN2, DORADO, MULTIFAN-CL, SEAPODYM; Tập huấn hướng dẫn sử dụng các phần mềm, xử lý dữ liệu và thông tin phục vụ quản lý nghề cá ngừ cho cán bộ ở Trung ương và địa phương; Xây dựng các giao diện, báo cáo bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của mỗi nước; và Quản lý dự án.

Hoàng Dương

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG TÁC ĐỘNG ĐẾN TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NÔNG SẢN QUA CÁC CỬA KHẨU TẠI TỈNH QUẢNG NINH

Ảnh minh họa

Trung Quốc luôn là thị trường quan trọng đối với nông sản Việt Nam. Với những lợi thế về địa lý, đa dạng sản phẩm cũng như cơ hội từ ưu đãi thuế quan, mở cửa thị trường khi Việt Nam đã tham gia ký kết Hiệp định Thương mại tự do Asean-Trung Quốc thì xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam trong thời gian tới còn nhiều tiềm năng, dư địa tăng trưởng để phục vụ nhu cầu tiêu thụ lớn của thị trường này. Để phát huy, tận dụng hiệu quả các cơ hội, lợi thế nêu trên, góp phần giữ vững và thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc thì vấn đề cần phải được các cấp, ngành, doanh nghiệp, hiệp hội, người nuôi trồng thủy sản đặc biệt coi trọng đó là nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường này.

Trung Quốc đưa ra một số quy định chung có tác động đến tình hình xuất khẩu nông sản qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như: (1) Về một số quy định truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác, xuất khẩu chính ngạch: Trung Quốc đưa ra các quy định đối với việc áp dụng về truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác trên sản phẩm thủy sản, hoa quả, sắn và tinh bột sắn xuất khẩu sang Trung Quốc, áp dụng chứng thư xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc từ 01/10/2019; Từ ngày 01/5/2019, Hải quan Trung Quốc sẽ thực hiện: cấm không cho phép dưa hấu lót rơm thông quan, yêu cầu dùng xốp lưới bọc hoặc chất liệu không mang trùng gây hại; mít dùng giấy dai Kraft để bọc hoặc dùng bao bì là thùng giấy có in thông tin truy xuất nguồn gốc; chuối yêu cầu bao bì là thùng giấy hoặc túi nhựa để bọc (đều phải in mã và thông tin truy xuất nguồn gốc); sẽ mở rộng diện áp dụng truy xuất nguồn gốc ra các mặt hàng thủy, hải sản; Dưa hấu Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc có thể sử dụng cách dán tem có mã truy xuất nguồn gốc lên trái dưa hoặc đóng dưa bằng bao bì thùng giấy có thông tin truy xuất nguồn gốc; Các lô hàng phải có đủ các thông tin cụ thể về hàng hóa trên bao bì theo tiêu chuẩn của Trung Quốc bao gồm: tên thương mại, tên khoa học, quy cách, thời gian sản xuất, thời hạn sử dụng, điều kiện bảo quản, số lô, mã số doanh nghiệp xuất khẩu và phải ghi rõ nơi đến của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Phía Trung Quốc tăng cường các biện pháp truy xuất nguồn gốc hàng hóa để đảm bảo an toàn thực phẩm và áp dụng các hình thức xử phạt (như trả lại lô hàng, đưa vào danh sách "đen") nếu hàng hóa không đáp ứng điều kiện.

(2) Quy định về đăng ký danh sách doanh nghiệp, mặt hàng được xuất khẩu vào Trung Quốc: Việc kiểm soát hàng nhập khẩu với các chính sách như kiểm soát nguồn gốc xuất xứ (C/O), chứng thư kiểm dịch, mã vùng nuôi trồng, vùng khai thác, quy cách bao bì, nhãn mác, truy xuất hồ sơ doanh nghiệp và các biện pháp kiểm soát, xử lý vi phạm của doanh nghiệp; Từ ngày 01/5/2019, phía Trung Quốc kiểm soát chặt chẽ danh mục hàng thủy sản Việt Nam xuất khẩu, một số mặt hàng không có trong danh mục sẽ không được Trung Quốc nhập khẩu, dẫn đến tồn đọng tại cửa khẩu; Đặc biệt từ ngày 17/6/2019, Hải quan Nam Ninh (Trung Quốc) thông báo điều chỉnh danh mục mặt hàng thủy sản Việt Nam được nhập khẩu vào Trung Quốc, đồng thời kiểm soát nghiêm ngặt phương thức bảo quản hàng hóa. Hải quan Nam Ninh cũng điều chỉnh danh mục mặt hàng thủy sản Việt Nam được nhập khẩu vào Trung Quốc (danh mục 128 mặt hàng từ tháng 11/2018, đến 15/6/2019 điều chỉnh giảm xuống còn 120 mặt hàng và từ 21/6/2019 lại tăng thêm 17 mặt hàng thủy sản nâng tổng số mặt hàng trong danh mục thủy sản Việt Nam được xuất khẩu vào Trung Quốc là 137 mặt hàng); Siết chặt kiểm soát tên gọi (tên thường gọi và tên khoa học), số lượng, trọng lượng của hàng hóa so với trọng lượng ghi trên bao bì, nhãn mác. Bên cạnh đó, những mặt hàng không có trong danh mục hàng thủy sản được Trung Quốc cho phép nhập khẩu sẽ từ chối thông quan (như mặt hàng sứa, ngao).

(3) Yêu cầu về bảo quản, an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm: Đối với mặt hàng tôm, cá ướp lạnh (ướp đá) không cho phép thông quan mà phải thực hiện đúng hình thức bảo quản là đông lạnh (cấp đông). Tuy nhiên, việc cấp đông tôm nguyên liệu sẽ làm tăng chi phí và giảm giá xuất khẩu sản phẩm; Vướng mắc trong việc kiểm soát chất lượng hàng thủy sản xuất khẩu từ khâu nuôi-thu hoạch-chế biến-bao gói (chủ yếu là thủy sản nuôi): với các chỉ tiêu chất lượng hàng thủy sản xuất sang Trung Quốc, các hộ dân, doanh nghiệp đều không nắm được, hầu hết là theo kinh nghiệm, chưa thực hiện các biện pháp quản lý về an toàn thực phẩm, cấp mã cơ sở nuôi, ao nuôi... chủ quan trong việc thực hiện chính sách của Hải quan Trung Quốc nên có lô sản phẩm không đảm bảo yêu cầu (hàm lượng một số chất vượt mức tiêu chuẩn cho phép, thậm chí có cả chất cấm).

Thời gian vừa qua, chính quyền tỉnh Quảng Ninh đã rất chủ động trong việc tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu. Riêng thành phố Móng Cái đã tổ chức Hội nghị tập huấn kiến thức cho các doanh nghiệp, cơ sở xuất khẩu, gia công, chế biến, nuôi trồng thủy sản xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc nhằm phổ biến các quy định mới của Trung Quốc để doanh nghiệp kịp thời áp dụng, đáp ứng yêu cầu của phía bạn. Nhằm giải quyết hiệu quả các khó khăn, vướng mắc liên quan đến xuất khẩu nông sản, cần giải quyết và thống nhất với Trung Quốc các vấn đề sau: Phía Trung Quốc khi thay đổi chính sách, tăng giảm mặt hàng xuất nhập khẩu, cần thông báo cho các cơ quan phía Việt Nam và có lộ trình thực hiện; Tính lượng hàng hóa thông quan theo trọng lượng tịnh được ghi trên bao bì theo đúng thông lệ thương mại quốc tế; Chỉ định cửa khẩu nhập khẩu từng loại nông sản để chính quyền hai bên có cơ sở quy hoạch, xây dựng hạ tầng, định hướng phát triển dịch vụ logistic phù hợp, chuyên nghiệp; Cho phép cư dân biên giới Trung Quốc được mở tờ khai nhập khẩu hàng hóa của cư dân biên giới Việt Nam trên cơ sở hàng hóa có đủ thủ tục, điều kiện theo yêu cầu; Riêng về lĩnh vực thủy sản: Đề nghị phía Trung Quốc khẩn trương cập nhật danh sách doanh nghiệp Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu thủy sản vào thị trường Trung Quốc; Bổ sung danh mục mặt hàng thủy sản Việt Nam được phép xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc (như: ngao, sứa, rươi, cá song sống,...). Đây là những mặt hàng thủy sản đã có tiền lệ đã được thông quan trước đây; Cho phép đa dạng hình thức bảo quản nguyên liệu thủy sản từ Việt Nam xuất sang (tươi sống, ướp đá, cấp đông) trên cơ sở kiểm dịch nghiêm ngặt về các chỉ tiêu chất lượng sinh hóa học; Riêng về hàng nông sản, rau quả: Đề nghị sớm bổ sung danh mục nhập khẩu một số loại sau: chanh leo, chanh, sầu riêng, mãng cầu, củ cải, cà rốt, khoai lang,...

Nguyễn Thị Kim Lại